

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

---



GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0400101122**

*Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 06 năm 2006*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 13 tháng 01 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY  
DỰNG GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH ĐÀ NẴNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DANANG TRANSPORT WORKS  
CONSULTANCY & DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TCD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

363 Tôn Đức Thắng, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236.3842110

Fax: 0236.3842552

Email: ted-dn@dng.vnn.vn

Website:

**3. Vốn điều lệ: 12.278.160.000 đồng.**

*Bằng chữ: Mười hai tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.227.816

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 19/09/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 048068008326

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật  
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 60, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 36 Nguyễn Công Hoan, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0400101122**

*Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 06 năm 2006*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 19 tháng 08 năm 2026*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH ĐÀ NẴNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DANANG TRANSPORT WORKS CONSULTANCY & DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TCD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*363 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

Điện thoại: 0236.3842110

Số Fax: 0236.3842552

Thư điện tử: tcddanang@gmail.com

Website:

**3. Vốn điều lệ: 12.278.160.000 đồng.**

*Bằng chữ: Mười hai tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.227.816

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN QUANG ĐẠT

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 03/07/1997

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 051097018279

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: 36 Nguyễn Công Hoan, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Trần Anh Dũng**

Số:



**GIẤY XÁC NHẬN**  
**Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

PHÒNG DOANH NGHIỆP VÀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Thành phố Đà Nẵng  
Địa chỉ trụ sở: *Tầng 6, 7, 8 Tòa nhà Hành chính, 24 Trần Phú, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*  
Điện thoại: 0236.3821755      Số Fax:  
Thư điện tử: [dkkdstc@danang.gov.vn](mailto:dkkdstc@danang.gov.vn)      Website:  
[taichinh.danang.gov.vn](http://taichinh.danang.gov.vn)

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG  
GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH ĐÀ NẴNG

Mã số doanh nghiệp: 0400101122

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1   | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4212        |
| 2   | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4222        |
| 3   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn, khảo sát thiết kế các công trình giao thông, công trình Hạ tầng Kỹ thuật; Lập dự án đầu tư; Khảo sát địa hình, địa chất thủy văn; Khảo sát thiết kế các công trình giao thông đường bộ; Định giá xây dựng; Thẩm tra dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - định giá các công trình của công ty thiết kết; Lập hồ sơ dự thầu, mời thầu, tư vấn đấu thầu; Giám sát kỹ thuật thi công xây dựng cơ bản; Thí nghiệm kiểm tra chất liệu, vật liệu xây dựng và chất lượng các công trình xây dựng cơ bản (LAS 75); Xây dựng thực hiện các công trình áp dụng đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật; Tư vấn đầu tư, khảo sát thiết kế xây dựng các công trình thuộc các lĩnh vực: xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, điện chiếu sáng công cộng. Lập quy hoạch chi tiết 1/500 và lập quy hoạch vùng và đô thị. | 7110(Chính) |
| 4   | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4291        |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 5   | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312     |
| 6   | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610     |
| 7   | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng ô tô.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4932     |
| 8   | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933     |
| 9   | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5225     |
| 10  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5229     |
| 11  | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Đại lý bảo hiểm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6622     |
| 12  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7710     |
| 13  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6810     |
| 14  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại, sắt, thép và kim loại khác (trừ vàng miếng).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4672     |
| 15  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4661     |
| 16  | Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác<br>Chi tiết: Lập dự án đầu tư các công trình xây dựng các công trình giao thông(đường bộ, đường sắt, cảng biển, sân bay), công trình thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện chiếu sáng; Lập báo cáo đầu tư xây dựng và xin phép đầu tư, lập dự án đầu tư xây dựng các công trình theo quy định hiện hành của chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn về đấu thầu và hợp đồng kinh tế xây dựng các công trình; Nhận tổng thầu thiết kế và quản lý dự án theo quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc dự án nhóm A, B, C<br>(trừ Tư vấn Tài chính, Pháp luật, Kế toán) | 7020     |
| 17  | Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4781     |
| 18  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá xây dựng, cát, sỏi, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.( riêng gạch, cát, sạn, xi măng, đá bán tại chân công trình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4673     |
| 19  | Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9531     |
| 20  | Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4782     |
| 21  | Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4662     |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 22  | Doanh nghiệp chỉ hoạt động ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây tác động môi trường tại địa điểm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành đã được phê duyệt; vị trí thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường, khoảng cách bảo vệ vệ sinh theo quy định. Doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và các điều kiện kinh doanh khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Trường hợp có phản ánh, khiếu kiện của người dân địa phương về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường, doanh nghiệp phải chấp hành di dời địa điểm kinh doanh đó theo yêu cầu của cơ quan chức năng. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

### Thông tin đăng ký thuế:

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                                                             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc):<br>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): NGUYỄN QUANG ĐẠT<br>Điện thoại: 0901.977899                                                       |
| 2   | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: ĐINH THỊ VÂN<br>Điện thoại: 0983130781                                            |
| 3   | Địa chỉ nhận thông báo thuế:<br>363 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam<br>Điện thoại: 0236.3842110<br>Fax: 0236.3842552<br>Email: tcddanang@gmail.com |
| 4   | Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>                                                                                                                                   |
| 5   | Năm tài chính:<br><i>Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12</i>                                                                                                                     |
| 6   | Tổng số lao động: <i>61</i>                                                                                                                                                     |
| 7   | Phương pháp tính thuế GTGT: <i>Khấu trừ</i>                                                                                                                                     |

Thông tin chủ sở hữu hưởng lợi

| STT | Họ và Tên        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân | Quốc tịch | Dân tộc | Địa chỉ liên lạc                                                | Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp            |                |
|-----|------------------|-----------------------|-----------|-------------------------------------------------------|-----------|---------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
|     |                  |                       |           |                                                       |           |         |                                                                 | Tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết | Quyền chi phối |
| 1   | NGUYỄN QUANG ĐẠT | 03/07/1997            | Nam       | 051097018279                                          | Việt Nam  | Kinh    | 36 Nguyễn Công Hoan, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 89,48                                            |                |

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH ĐÀ NẴNG. Địa chỉ:363 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

-.....;  
- Lưu: Lê Tấn Đạt.....

KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



*[Handwritten signature in blue ink]*